

Số : 974 /TB-STC

An Giang, ngày 13 tháng 7 năm 2018

THÔNG BÁO

Công khai thực hiện dự toán ngân sách nhà nước tỉnh An Giang 6 tháng đầu năm 2018

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 3385/QĐ-UBND ngày 10/11/2017 của UBND tỉnh về việc giao nhiệm vụ thực hiện công khai ngân sách địa phương và ngân sách cấp tỉnh, trong đó giao Sở Tài chính thực hiện công khai các nội dung quy định tại Khoản 1 và Khoản 3 Điều 7 của Thông tư 343/2016/TT-BTC;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phê chuẩn dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương tỉnh An Giang năm 2018 và Quyết định số 3700/QĐ-UBND ngày 13/12/2017 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước tỉnh An Giang năm 2018;

Căn cứ tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách nhà nước trên địa bàn, Sở Tài chính công khai số liệu dự toán thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2018 như sau:

1. Thu ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm 2018:

a/ Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 3.385 tỷ đồng, đạt 59,4% so dự toán năm, bằng 109 % so với cùng kỳ, bao gồm:

- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: 94 tỷ đồng, đạt 58,4% so dự toán năm, bằng 107,1% so với cùng kỳ.

- Thu nội địa : 3.290 tỷ đồng, đạt 59,4% so dự toán năm, bằng 109,1% so với cùng kỳ, trong đó: thu cân đối ngân sách 3.290 tỷ đồng, đạt 59,4% so dự toán năm, bằng 109,4% so với cùng kỳ.

- Các khoản thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước 1 tỷ đồng, bằng 11,7% so với cùng kỳ.

b/ Thu Ngân sách địa phương: 6.433 tỷ đồng, đạt 48,1% so dự toán năm, bằng 116,6% so cùng kỳ năm trước, gồm:

- Thu cân đối ngân sách: 3.036 tỷ đồng, đạt 59,8% so dự toán năm.

- Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương: 3.397 tỷ đồng, đạt 40,9% so dự toán năm.

(Đính kèm biểu 60/CK-NSNN)

2. Chi ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm 2018:

Tổng chi ngân sách địa phương là 5.859 tỷ đồng, đạt 44,1% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao, bằng 117,3% so với cùng kỳ năm trước, gồm :

a/ **Chi cân đối ngân sách:** 5.476 tỷ đồng, đạt 47,4% so dự toán năm, bằng 112,5% so cùng kỳ năm trước.

b/ **Chi từ nguồn Trung ương bổ sung có mục tiêu để thực hiện dự án vốn đầu tư:** 383 tỷ đồng, đạt 22,1% dự toán năm.

(Đính kèm biểu 61/CK-NSNN)

3. Cân đối ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm 2018: theo biểu số 59/CK-NSNN đính kèm.

Trên đây là tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2018 của tỉnh An Giang. /.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh “báo cáo”;
- Trang thông tin điện tử Sở; website AG;
- Ban Giám đốc
- Lưu VT; P.NS;


KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Điền Tân

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 6 THÁNG NĂM 2018

(Kèm Thông báo số 974/TB-STC ngày 13/7/2018 của Sở Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng



STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN 6 THÁNG	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI DT (%)	
				DỰ TOÁN	CÙNG KỶ NĂM
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	13.381.699	6.432.990	48,07	116,59
I	Thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp	5.072.600	3.035.834	59,85	108,82
1	Từ các khoản thu phân chia	853.000	681.205	79,86	
2	Các khoản thu NSDP được hưởng 100%	4.219.600	2.354.629	55,80	
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	8.309.099	3.397.157	40,88	125,00
III	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang				
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	13.288.199	5.858.740	44,09	117,34
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	11.555.864	5.475.536	47,38	112,53
1	Chi đầu tư phát triển	2.837.980	1.429.493	50,37	124,72
	Trong đó: Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	1.100			
2	Chi thường xuyên	8.494.514	4.046.043	47,63	108,78
3	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.170			
4	Dự phòng ngân sách	222.200			
II	Chi từ nguồn thu quản lý qua ngân sách	-			
III	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP	1.732.335	383.204	22,12	
1	Chương trình mục tiêu quốc gia	158.376	23.737		
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	1.552.867	355.965	22,92	
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	21.092	3.502		
C	BỘI THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	93.500			
D	CHI TRẢ NỢ GỐC	162.700	44.572	27,40	

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 6 THÁNG NĂM 2018

(Kèm Thông báo số 974/TB-STC ngày 13/7/2018 của Sở Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN 6 THÁNG	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NSDP	13.288.199	5.858.740	44,09	117,34
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	11.555.864	5.475.536	47,38	112,53
I	Chi đầu tư phát triển	2.837.980	1.429.493	50,37	124,72
1	Chi đầu tư cho các dự án	2.750.880	1.343.493	48,84	117,22
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật	86.000	86.000	100,00	
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	1.100			
4	Chi đầu tư phát triển khác				
II	Chi thường xuyên	8.494.514	4.046.043	47,63	108,78
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	3.474.052	1.664.795	47,92	111,53
2	Chi khoa học và công nghệ	75.943	41.759	54,99	137,43
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	970.743	366.229	37,73	163,54
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	94.921	42.415	44,68	90,18
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	27.072	12.298	45,43	110,38
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	67.990	44.764	65,84	124,72
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	161.950	36.920	22,80	81,62
8	Chi sự nghiệp kinh tế	1.013.826	324.034	31,96	104,68
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	741.824	372.511	50,22	102,18
10	Chi bảo đảm xã hội	496.356	344.590	69,42	93,84
III	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.170		-	
IV	Dự phòng ngân sách	222.200		-	
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP	1.732.335	383.204	22,12	
1	Chương trình mục tiêu quốc gia	158.376	23.737	14,99	
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	1.552.867	355.965	22,92	
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	21.092	3.502	16,60	

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG NĂM 2018

(Kèm Thông báo số 974 /TB-STC ngày 13/7/2018 của Sở Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng



STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN 6 THÁNG	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	5.700.000	3.384.683	59,38	109,04
I	Thu nội địa	5.540.000	3.291.205	59,41	109,09
I.1	Thu cân đối	5.540.000	3.290.078	59,39	109,41
1	Thu từ khu vực DNNN	1.030.000	330.533	32,09	77,10
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	32.000	20.710	64,72	125,32
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	870.000	691.912	79,53	163,61
4	Thuế thu-nhập cá nhân	529.000	253.813	47,98	102,71
5	Thuế bảo vệ môi trường	480.000	281.098	58,56	130,34
6	Lệ phí trước bạ	265.000	140.725	53,10	179,46
7	Thu phí, lệ phí	161.580	122.071	75,55	62,63
8	Các khoản thu về nhà, đất	340.000	213.691	62,85	94,59
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	-	-	-	-
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	10.000	6.808	68,08	161,89
-	Thu tiền sử dụng đất	250.000	177.610	71,04	96,95
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	80.000	29.273	36,59	75,98
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	-	-	-	-
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	22.000	12.355	56,16	118,54
10	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước	105.000	41.261	39,30	
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	1.367.000	959.766	70,21	94,41
12	Thu tại xã	25.000	695	2,78	7,67
	Trong đó: Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	11.420	695	6,09	
13	Thu khác ngân sách	313.420	221.448	70,66	205,81
I.2	Các khoản thu để lại quản lý qua ngân sách		1.127		11,68
	Thu nhân dân đóng góp		1.127		11,68
II	Thu từ dầu thô				
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	160.000	93.478	58,42	107,06
IV	Thu viện trợ				
B	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	13.381.699	6.432.990	48,07	116,59
1	Từ các khoản thu phân chia	853.000	681.205	79,86	
2	Các khoản thu NSDP được hưởng 100%	4.219.600	2.354.629	55,80	
3	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	8.309.099	3.397.157	40,88	